

TRÒ CHUYỆN VỚI NHỮNG NG-ỒI PHỤ NỮ VIỆT NAM VỀ ẢNH H-ỞNG CỦA CHIẾN TRANH - VIỆT - CH-ÔNG L-ÀI S-IM L-ỘNG VÀ QU-ÂN L-ÔNG

DIANE FOX

L-ưu ý: Bài viết sau đây đã đ-ợc cho phép in lại với một số chỉnh sửa nhỏ từ tài liệu *Le Viet Nam au Feminin* của Gisele Bousquet và Nora Taylor và cộng sự (Paris: Les Indes Savantes). Trong bối cảnh về mong muốn của những ng-ời đ-ợc coi là bị ảnh h-ởng chất độc da cam, việc này thu hút sự quan tâm tới nhiều khía cạnh của những mong muốn đó: hy vọng đ-ợc trợ giúp về thể chất và tình cảm cho những ng-ời con bị nhiễm khi sức khỏe của cha mẹ chúng không còn; hy vọng có ai đó giúp đỡ chia sẻ gánh nặng cho những gia đình này và cộng đồng họ khi họ đã phải gánh chịu một mình trong suốt 20-30 năm; hy vọng về thuốc chữa trị, trợ giúp về vận động và phục hồi chức năng; hy vọng có một khoản vốn vay nhỏ để sửa nhà hoặc đầu t- vào chăn nuôi; hy vọng một mặt đ-ợc tập huấn kỹ thuật nâng cao thu nhập và mặt khác tạo nên một ý nghĩa đóng góp cho cộng đồng.

Các khía cạnh tinh thần và xã hội của những hy vọng này đ-ợc nhiều gia đình bày tỏ: một mong mỏi “có thể đóng góp cho xã hội giống nh- những ng-ời khác”, nh- họ th-ờng nói; một ao - ớc về những gì họ đang phải chịu đựng đ-ợc công nhận nh- một đóng góp hy sinh vì dân tộc mà không phải là một trừng phạt cho những việc làm sai trái; một thỉnh cầu chúng ta lắng nghe và làm cho câu chuyện đ-ợc mọi ng-ời nghe đ-ợc, viết lên thành những trang sử với tất cả giá trị và sự phức tạp của họ.

Rồi sau đó, những gia đình này mong muốn đ-ợc cộng đồng nghe thấy, công nhận và giúp đỡ để họ có thể góp phần trong cộng đồng đó. Nh- ng- đó không phải là tất cả. Nhiều gia đình đã nêu lên mong muốn khác, hy vọng khác: “Trách nhiệm”, nh- một ng-ời đã đặt ra. “Từ trong tiếng Việt là trách nhiệm”. “Trách nhiệm cho những hành động đã thực hiện trong chiến tranh, và

trách nhiệm đối với những ng-ời đang phải chịu đựng, tuy nhiên thực hiện trách nhiệm trong vài thập kỷ, cho đến khi không còn sức khỏe.

Thất bại trong trả lời của chúng ta đối với những mong muốn này là nỗi đau của họ, và tình ng-ời riêng của chúng ta.

Chị Hồng: “*Tôi đã gặp bạn, một con ng-ời - đó là, một ng-ời phụ nữ. Mặc dù bạn từ một đất n-ớc khác xa xôi nh- ng, tha lỗi cho tôi, bạn vẫn trong cùng hoàn cảnh. Chúng ta đều là phụ nữ, giao tiếp giữa chúng ta dễ dàng, và dễ nói chuyện cởi mở với nhau. Tôi muốn bày tỏ và chia sẻ một số điều ngọt ngào lẫn đắng cay chúng tôi đã nhận đ-ợc trong quá khứ. Có nỗi đắng cay... nh- sự khổ cực. Đó là chúng tôi đã đoàn kết dân tộc nh- thế nào, giành đ-ợc một t-ơng lai ngọt ngào hơn.... có thể vùng lên, có thể làm chủ trên mảnh đất của mình. Đất n-ớc đ-ợc thống nhất là nhờ có sự động viên, không sợ của phụ nữ chúng tôi, những ng-ời không đơn thuần là chân yếu tay mềm. Chân yếu tay mềm vẫn phải đánh giặc, vẫn phải hiên ngang, vẫn phải tiến b-ớc song hành cùng nam giới”*.

Ng-ời phỏng vấn: “*Vâng...ô... và bạn có nghĩ rằng đây là câu chuyện cần đ-ợc kể cho tất cả mọi ng-ời để họ biết, hay nó nên đ-ợc quên đi ?*”

Chị Hồng: “*Bạn phải kể ra, phải ghi nó thành những trang sử, nó phải trở thành những trang sử của đất n-ớc tôi, của thế hệ chúng tôi, của thế giới, để hiểu về đất n-ớc Việt Nam có những con ng-ời - đàn ông cũng nh- đàn bà, ng-ời già cũng nh- ng-ời trẻ - tất cả họ đang sống một cuộc sống nh- thế này. Tr-ớc kia, nó nh- vậy [nh- tôi đã kể cho bạn], và bây giờ có*

những cuộc đời gắng g- ợng nh- thế này. Hãy để họ thấy tất cả.”

Giới thiệu

Những gì chị Hồng mong muốn đ- ợc viết thành lịch sử là những câu chuyện chị kể cho tôi về cuộc chiến tranh, về những lần ốm của chị, về những gì chị đã học, cũng nh- “nhiều, nhiều hơn” chị vẫn phải nói. Phỏng vấn đ- ợc trích đoạn cho ch- ơng này là một phần: một phần trong các câu chuyện chị Hồng nhớ lại và muốn kể, một phần nhỏ bị hạn chế do những cản trở thời gian, vị trí, phong tục/tập quán, trí nhớ, ngôn ngữ và những mục đích và tác dụng m- òng t- ợng về cuộc gặp của chúng tôi. Phỏng vấn cũng là là một phần của thể loại khác, phần của một bài viết luận dài hơn sẽ đem đến một bức tranh khảm từ 38 cuộc phỏng vấn nh- vậy để mang đến những cuộc tranh luận khoa học và chính trị về những ảnh h- ợng lâu dài của chiến tranh, và cụ thể về chất da cam, đ- ợc sử dụng vừa là một chất hoá học vừa là một phép ẩn dụ.

Từ năm 1961-1971, Mỹ đã rải 21 triệu ga- lông chất diệt cỏ và chất gây rụng lá ở Việt Nam, khoảng 2/3 số đó có chứa chất dioxin¹. “Chất da cam,” biệt danh cho sọc màu da cam đ- ợc sơn quanh các thùng đựng, trở thành nổi tiếng nhất trong các chất hoá học; tên của nó thỉnh thoảng nhằm để tham khảo về mặt gen cho tất cả các chất hoá học đ- ợc sử dụng. Tính toán về sự huỷ diệt môi tr- ờng là rất khác nhau, nh- ng một con số phổ biến đ- ợc biết đến là khoảng 5 triệu mẫu bị rụng lá, với nửa mẫu đất trồng trọt nữa bị phá huỷ. Uỷ ban các học giả châu □ quan tâm đã trích dẫn các số liệu của lực l- ợng không quân cho biết đến năm 1969, gần 10% tất cả các loại

đất hoa màu đã bị rải. Các nguồn khác nhau cũng công bố con số từ 33% đến 50% đất rừng đã từng bị rải hơn một lần. Các số liệu thống kê của lực l- ợng không quân ghi lại 36% mặt n- ớc mặn đã bị phá huỷ (để thảo luận, xem Buckingham 1982, Cecil 1986, Harnly 1988, Lewy 1978, Stellman 2003, Võ Quý 1992, Westing 1984, Young 1988).

Các số liệu thống kê về tác hại đối với sức khoẻ con ng- ời thậm chí còn khủng khiếp hơn, những con số đã chết, những con số những ng- ời vẫn tiếp tục đ- ợc sinh ra, thời gian dai dẳng phát triển một số các bệnh, quá trình tiếp theo và dai dẳng đối với nhóm dân c- bị nhiễm, sự biến đổi các chất hoá học trong đất và n- ớc và qua các dây chuyền sinh vật², và thiếu sự thống nhất về các bệnh và điều kiện có thể liên quan với các chất hoá học đ- ợc sử dụng và chất không mong muốn, chất dioxin. Tuy nhiên, bằng chứng tiếp tục đ- ợc thu thập từ các nghiên cứu dioxin và hàng trăm các nghiên cứu đối với các cựu chiến binh Mỹ và các nhóm dân số khác: Hiện nay Viện Y tế quốc gia đã chỉ ra tên 10 bệnh, hoặc một tập hợp các bệnh, và hai dạng khuyết tật bẩm sinh có thể liên quan đến phơi nhiễm của các chất hoá học đ- ợc sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam: ung th- tổ chức phần mềm, bệnh hodgkins, bệnh đa u tuỷ, u lymphô ác tính (non – nodgkins lymphoma), bệnh thần kinh ngoại vi cấp và bán cấp tính, bệnh nhiễm porphyrin – da chậm, ung th- tiền liệt tuyến, ung th- đ- ờng hô hấp, ung th- tổ chức phần

¹ Những con số này phản ánh những kết quả mới của một nhóm đặc nhiệm trực thuộc Viện khoa học quốc gia Hoa Kỳ đã đính chính số - ớc l- ợng tăng hơn 10%, dựa vào việc tiếp cận các dữ liệu đầy đủ hơn. Nghiên cứu cũng - ớc l- ợng một cách dè dặt rằng số l- ợng TCDD ít nhất là gấp đôi so với tr- ớc đây vẫn nghĩ, hoặc là 366 kg. Các con số này chỉ đề cập đến các chất hoá học đ- ợc rải từ máy bay (cánh cố định) – xem chú thích 2. (Stellman, 2003)

² Xem lại công việc gần đây của Stellman về những biểu hiện. Dựa vào tỉ lệ tập trung theo xóm đ- ợc điều phối do nhiệm vụ rải, ít nhất là 2,1 triệu nh- ng có lẽ khoảng 4,8 triệu ng- ời có mặt trong lúc đang rải ở 3181 thôn xóm. Đối với 1430 thôn, xóm đã bị rải khác, không thể - ớc l- ợng dân số lúc đó. Những con số này là không bao gồm những ng- ời có thể bị nhiễm từ những thùng đã bỏ đi, từ những kho khố cấp tạm thời, hoặc từ những khu vực bị rải thuộc vành đai các căn cứ quân sự, rải do các tàu hải quân thực hiện, từ máy bay trực thăng thực hiện, hoặc do Việt Nam cộng hoà, hoặc lại từ sự thay đổi các chất hoá học ở những nơi đã bị rải. (Tại thời điểm rải, dân số của khu vực bị rải, đ- ợc biết sau này ở miền Nam Việt Nam là 17 triệu ng- ời).

mềm, tiểu đ-ông tuýp 2, tật gai đôi, ở con của những cựu chiến binh nữ và các dạng khiếm khuyết khác.

Giám đốc khoa chất độc học thử nghiệm tại Cơ quan bảo vệ môi tr-ờng Mỹ đã đặt tên TCDD, dạng của dioxin đã đ-ọc sản xuất không chủ ý nh- một sản phẩm từ quá trình sản xuất chất da cam và các chất hoá học cụ thể khác đã đ-ọc sử dụng trong chiến tranh, gây ra một số tác hại đối với con ng-ời nh- sau: Bệnh tim mạch, tiểu đ-ông, bệnh nhiễm porphyrin, bệnh lạc màng trong tử cung, giảm kích thích tố sinh dục nam, ung th- tổ chức phần mềm, ảnh h-ởng tới sự phát triển của tuyến giáp, tình trạng miễn dịch, các vấn đề về thần kinh, nhận thức, răng; và tỉ lệ giới tính bị thay đổi [Birnbaum 2002]

Trong khi các tranh cãi khoa học tiếp tục diễn ra với nhiều kết luận này, thông th-ờng việc sử dụng “chất da cam” cũng mang các ý nghĩa khác, ở những thời điểm đặt tên cho một bệnh, hoặc một cách nói ẩn dụ về những hậu quả của chiến tranh³, hoặc là sự vô trách nhiệm của chính phủ. Năm 2002, tại hội nghị khoa học lần thứ nhất do chính phủ Việt Nam và Mỹ đồng tổ chức, về những hậu quả chất da cam, đại sứ Mỹ đã gọi chứng bệnh của chất da cam là “điều ám ảnh có ý nghĩa” đọng lại từ chiến tranh, trong khi đó thứ tr-ởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi tr-ờng đã gọi đó là “cuộc chiến tranh hoá học”.

Các phỏng vấn

³ Tính huỷ diệt của chất da cam là có nh-ng cũng huỷ diệt một phần nhỏ đối với cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội của Việt Nam. Ví dụ: khoảng 15 đến 29 triệu hố bom* lỗ chỗ khắp đất n-ớc, bằng hơn nửa diện tích nửa n-ớc Pháp. Đến năm 1998, 38.000 ng-ời đã bị chết kể từ khi kết thúc chiến tranh do đạn phải bom đạn còn sót lại, và mỗi tháng con số th-ờng vong tiếp tục tăng lên. Cầu cống, đ-ờng xá, đ-ờng tàu, bệnh viện và các tr-ờng học đã bị ném bom; nhiều thành phố và hàng trăm làng mạc đã bị san bằng hoàn toàn; hàng triệu ng-ời tị nạn bên ngoài, với rất nhiều ng-ời đã bị ép vào các trại đ-ọc biết nh- những cái tên nh- là “các xóm/ấp chiến l-ợc”. Nhiều việc hơn nữa cần thiết để tập hợp kết quả chính xác của sự tàn phá, ở chừng mực có thể. (* 15 triệu là con số - ớc chừng nếu tính riêng đối với cuộc chiến tranh với Mỹ; 29 triệu nếu bao gồm cả cuộc chiến với Pháp).

Mùa xuân năm 2000 và 2001, tôi đã thực hiện 38 phỏng vấn với những phụ nữ và gia đình ở 12 làng và 3 thị trấn/thị xã ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam của Việt Nam. Với một ngoại lệ, những phụ nữ đã đ-ọc phỏng vấn đều là mẹ có con bị khuyết tật. Nhiều ng-ời trong số họ cũng có chồng bị tàn tật ở nhiều mức độ khác nhau; một số tr-ờng hợp, chính bản thân ng-ời phụ nữ, họ cũng bị tàn tật. Năm phụ nữ là chủ của hộ gia đình không có ng-ời chồng; một phụ nữ sống đơn thân. Một số phụ nữ đã chiến đấu vì một cuộc cách mạng; một số đã tham gia Thanh niên xung phong; một số là vợ của lính chiến đấu cho chế độ Sài Gòn; một số có đất trồng trong các vùng kinh tế mới; và một số đã giúp đỡ xây dựng lại các căn nhà trong làng và thị trấn do bị san phẳng và bị bỏ trong nhiều năm trong thời kỳ chiến tranh. Có những ng-ời 31 năm sống ở các thôn/làng và có ng-ời khác là 7 tuổi sống ở các trung tâm của tỉnh.

Ba m-oi phỏng vấn đã đ-ọc thực hiện tại các tỉnh Hà Nam, Thừa Thiên Huế và Đồng Nai, với sự giúp đỡ của Hội Chữ Thập đỏ (CTĐ) Việt Nam và Hiệp hội CTĐ quốc tế, để chuẩn bị cho một ch-ơng trình “ng-ời nghèo khuyết tật, bao gồm cả những ng-ời đ-ọc cho là bị nhiễm chất độc da cam”. Tám phỏng vấn đầu tiên đã đ-ọc thực hiện nhờ có sự giúp đỡ của Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em tỉnh Thái Bình.

Năm chủ đề rộng đã đ-ọc nêu lên với những ng-ời đ-ọc phỏng vấn để tìm hiểu: Tình trạng gia đình (sức khoẻ, kinh tế); những trải nghiệm chiến tranh (bao gồm phơi nhiễm có thể liên quan đến chất da cam); những trợ giúp họ đã nhận đ-ọc; những trợ giúp có ích với họ; và những phản ánh hoặc những vấn đề họ muốn truyền đạt qua tôi tới khán giả quốc tế. Chiều sâu của cuộc thảo luận phụ thuộc vào ngẫm hiểu của tôi về sự cởi mở và nhiệt tình muốn nói của gia đình, và về những hạn chế thời gian. Một số gia đình đã tự nguyện cung cấp các hồ sơ sức khoẻ để khẳng định ý kiến của họ. Đối với hầu hết những khẳng định này cũng đ-ọc cung cấp từ các cán bộ y tế đi cùng với tôi. Điều quan trọng đối với tôi là tự kể chuyện, tự kể chuyện có lựa chọn 25 năm sau khi kết thúc chiến tranh để kể

lại cho một ng-ời Mỹ mà một số ng-ời đ-ọc phỏng vấn đã nhầm tôi là một đại diện của chính phủ Mỹ.

Tôi đã bị thôi thúc bắt đầu công việc này từ cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên trên đ-ờng phố Thành phố Huế, một thành phố của vẻ đẹp cao quý và bi kịch lớn ở miền Trung Việt Nam. Một ngày trong năm 1997, khi tôi đang đứng nói chuyện với một trong những sinh viên của mình, tôi nhận đ-ọc một cú đấm bất ngờ vào vai tôi. “Tại sao”, ng-ời đối thoại với tôi nói thách thức về phía tôi, “Chính phủ của bà không làm gì để giúp đỡ những ng-ời bị họ gây đau đớn trong chiến tranh?”. Ng-ời phụ nữ này đang nghĩ cụ thể về những ng-ời vẫn đang chịu đau đớn do tác hại của chất da cam, bà ấy nói. Trong suốt 7 năm qua tôi đã sống và làm việc bán thời gian ở Việt Nam, với hầu hết các đồng nghiệp Việt Nam; cuộc đụng độ này là duy nhất, và điều này đã phản ánh ng-ợc lại với những kết luận đơn giản mà tôi từng nghe dành cho những ng-ời Mỹ đến thăm quan về tính dục dâm của phụ nữ Việt Nam và không có sự oán thù đối với Mỹ. Nh- một phản hồi đầu tiên, tôi đã phỏng vấn một bác sĩ ở Tr-ờng Đại học Y khoa Huế, ng-ời đang làm nghiên cứu về ảnh h-ởng của chất da cam đối với dị tật bẩm sinh và đã viết câu chuyện chuyên mục cho tờ Tin tức Việt Nam (Việt Nam News), dựa vào những gì bác sĩ đã kể cho tôi và vào những chuyến thăm tới các gia đình.

Lúc đầu, tôi rất l-ợng lự thực hiện công việc này, không muốn khuấy động lại những ký ức đau đớn hoặc nêu lên những hy vọng sai trái. Các bác sĩ Việt Nam và các cán bộ hoạt động xã hội mà tôi đã gặp đều nói với tôi rằng hầu hết mọi ng-ời đều tha thiết muốn nói dài hơn thời gian chúng tôi có để nghe họ. Hoá ra họ đã đúng: Lập đi lập lại nhiều lần, tôi đ-ọc mọi ng-ời cảm ơn vì những cuộc viếng thăm của tôi khi tôi xin lỗi vì chỉ có những món quà rất nhỏ để sẻ chia, đó là sự quan tâm và công nhận tôi dành cho họ – sự quan tâm và công nhận của ng-ời Mỹ-đã là những món quà quý giá về mặt tinh thần”, nh- là một đ-ọc sĩ đã đ-a ra. Tôi đã trân trọng bình luận này trong một thời gian dài. Sau đó, chỉ khi

tôi làm việc với những bản dịch của các giải băng, và rồi một chủ đề khác cũng trở nên rất rõ: “Chúng tôi không cần sự tôn trọng của các bạn,” nh- ý kiến của một nam giới, “chúng tôi cần sự giúp đỡ”.

Tôi đã nghĩ lại về sự l-ợng lự của tôi là không đúng lúc, hoặc thậm chí là một công cụ giúp gắn kết những khoảng cách không thoải mái giữa thế giới của chúng ta, giúp che lấp sự bất cân bằng giữa quyền lực và sự đặc quyền. Các gia đình là những phần rõ rất và dễ chịu nhất để đ-ọc nghe đến. (xem Farmer 1997, Asad 1986, Ong 1995, Patai 1991, Abu-Lughod 1991.)

Trong nghiên cứu này, phỏng vấn đã trích đoạn ở đây nhằm nêu bật các cách ng-ời phụ nữ mô tả những hậu quả của chiến tranh còn đeo đẳng trong cuộc sống hậu chiến của họ. Mặc dù tôi đã có điều chỉnh phỏng vấn để mạch lạc hơn, nh- ng-ời cố gắng giữ trung thành với sự trầm ngâm, thỉnh thoảng là sự tạm ngừng và sự lặp lại của cuộc đối thoại vì nó phản ánh những b-óc thăm dò của chúng tôi để hiểu nhau.

*

* * *

Tôi đã gặp bà Hồng tại nhà của bà ở Biên Hoà, một thành phố công nghiệp đang phát rất nhanh nằm dọc sông Đồng Nai từ phía Sài Gòn, hay còn gọi là Thành phố Hồ Chí Minh. Tr-ớc đây, Biên Hoà đã từng là một khu vực căn cứ quân sự lớn của Pháp và sau đó trở thành một căn cứ Không quân Hoa Kỳ, một trong những trung tâm thực hiện chiến dịch “Ranch Hand”⁴, chịu trách nhiệm rải các chất hoá học diệt rộng từ năm 1962 đến 1971. Căn cứ là khu vực của một khối l-ợng lớn các chất hoá học mà các nhà

⁴ Lúc đầu đ-ọc biết với tên “Operation Hades”, nh- ng-ời không lâu sau tên của ch-ơng trình đ-ọc đổi thành “Ranch Hand”; đó là dấu hiệu gọi từ đài phát thanh, “Cowboy” và sau đó đ-ọc đổi thành “Hades”. Những ng-ời tham gia vào ch-ơng trình này có những nhiệm vụ bay thấp và chậm để có thể tìm ra các đối t-ợng cụ thể đ-ọc biết là rất anh dũng và hiên ngang. Ph-ơng châm của nhóm là “Bạn chỉ có thể ngăn chặn các khu rừng” – một vở kịch hài h-ớc về khẩu hiệu chống cháy rừng của Mỹ.

nghiên cứu đang điều tra nh- một nguồn có thể của tỷ lệ các bệnh ung th- đang gia tăng, các rối loạn thần kinh và dị tật bẩm sinh ở khu vực xung quanh một hồ chứa n- ớc m- a động lại từ các bề mặt⁵.

Nhà bà Hồng nằm cách xa một trong những con đ- ờng huyết mạch chính đông đúc của thành phố, dọc theo một lối giữa 2 cửa hàng, đằng sau là một dãy nhà t- ờng ximăng, mái lợp tấm hợp kim. Chúng tôi ngồi trên một đi văng nhựa và các ghế đặt bên cạnh một mặt bàn kính đơn giản và to gấp đôi bàn thờ. Một chiếc đàn tam thập lục 16 giây đ- ọc treo ở một góc phòng, phía trên là một bàn thờ thứ hai đ- ọc đặt ở sàn nhà. Một chiếc ấm pha trà màu trắng và một bộ tách, đ- ọc trang trí với một hình vẽ hoa hồng, đ- ọc đặt ở một cái bàn thấp là trang bị đồ đạc chính khác của căn phòng. Từ cuộc trò chuyện của chúng tôi, bà Hồng và tôi nhận ra chúng tôi cùng tuổi nhau, cùng có những đứa con đầu lòng, con gái, sinh ra cùng năm – những t- ơng đồng đã gắn kết chúng tôi lại.

“Bạn muốn biết về tình hình gia đình tôi, về cuộc đời của chúng tôi, về sự thật – Tại sao chúng tôi vẫn trong tình trạng này,” bà Hồng bắt đầu. “Để tôi nhắc lại cho bạn, ở Việt Nam, ng- ời Việt Nam đã trải qua rất nhiều cuộc chiến tranh – và vì thế gia đình tôi...cuộc sống của gia đình tôi vô cùng khó khăn. Chúng tôi đã chiến đấu và sống trên mảnh đất này, đó là quê h- ơng chúng tôi []. Từ thế hệ cha ông chúng tôi cho đến bản thân tôi, tất cả chúng tôi đã tham gia vào... (“bảo vệ tổ quốc” bác sĩ Hội CTĐ xen vào đoạn ngập ngừng⁶)... bảo vệ tổ quốc. Đó là...từ thế hệ của

bố tôi, từ thế hệ của mẹ tôi và sau đó là thế hệ của các anh trai, chị gái tôi, tất cả họ, cả gia đình đã tham gia bảo vệ tổ quốc.

“Cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc đã ảnh hưởng tới chính bản thân tôi, và cuối cùng tôi bị ốm đau; gia đình riêng của tôi là một trong những gia đình tàn tật và đây là do hậu quả của chiến tranh. Ví dụ, bố chồng tôi bị đau và ăn không ngon miệng và bị liệt, và tất cả các em tôi đã chết vì bệnh tật – tất cả. Chỉ còn mình tôi còn sống, đang sống ở đây...và đó là nhờ có sự giúp đỡ, sự quan tâm, và sự chăm sóc của Đảng và Nhà n- ớc và của mọi ng- ời...nếu không thì tôi đã chết từ lâu.

“Vào khoảng năm 92, có một ch- ơng trình y tế và sau khi kiểm tra tôi phát hiện là mình đã bị những căn bệnh nội tạng. Thế đấy, bệnh đầu tiên đ- ọc phát hiện là gan của tôi...chính phủ tôi đã chăm sóc tôi và rồi những biến chứng vào lá lách của tôi – nó bị s- ng, bị nhiễm và cuối cùng là ng- ời ta đã cắt bỏ nó.” Sau đó bà bị loét dạ dày, viêm cột sống, rồi tiếp đến các ảnh hưởng về toàn bộ đ- ờng hô hấp, huyết áp cao, và một căn bệnh gây cho các ngón chân bà thỉnh thoảng lại nhợt nhạt. Một tai của bà không còn khả năng nghe do ảnh hưởng của tiếng nổ của bom và pháo, và bây giờ thị lực của bà rất mờ. “Vì điều kiện cơ thể của tôi,” bà tiếp tục nói, “nó là nh- vậy. Hàng tháng tôi phải đi bệnh viện điều trị, hàng tháng, và mua thuốc. Tình trạng sức khỏe của tôi nh- vậy đấy.”

“Còn về điều kiện kinh tế của tôi... Tôi sẽ giải thích cho bạn nh- thế này. Ngày tr- ớc tôi làm việc cho chính phủ. Và rồi những khuyết tật của chúng tôi làm cho chúng tôi phải nghỉ h- u và sống ở nhà dựa vào l- ơng h- u. Tôi đã mất cánh tay, nh- ng tôi vẫn phải cố gắng thuê và khâu, và bán một vài thứ lặt vặt. Chúng tôi làm tất cả những việc có thể để kiếm sống. Nếu chúng tôi muốn sống, chúng tôi phải tự chăm sóc bản thân. “Đấy,” bà nói, h- ớng về phía chồng bà, “cho bà ấy xem những gì tôi làm để bán.” Ông ấy mang

trong việc tìm ra một tiếng nói chung. Những ngập ngừng về ngôn ngữ nh- vậy cũng có thể có giá trị cho chính nghiên cứu.

⁵ Theo tóm tắt của Hội CTĐ quận Biên Hoà nơi có cái hồ này, tỷ lệ mắc bệnh ung thu cao hơn 49 lần so với huyện có tỷ lệ ung th- ít nhất tỉnh. Tôi không có cách nào để khẳng định ý kiến này, nh- ng thông tin này chắc chắn nêu lên sự cần thiết phải nghiên cứu.

⁶ Cuộc chiến tranh này th- ờng đ- ọc hàm ý nh- “một cuộc chiến tranh chống lại ng- ời Mỹ để giành lại đất n- ớc”. Những bày tỏ tế nhị của bà Hồng sau này nhằm vào những gì bà hình dung có thể là những cảm giác của tôi vì là một ng- ời Mỹ, một khả năng là sự ngập ngừng của bà là xuất phát từ một sự bất đắc dĩ tạo ra khó chịu. Nó cũng chỉ ra sự khó khăn

ra một cái rổ đựng các mảnh vải sáng màu. “Tôi nối những mảnh vụn này với nhau để làm nguyên liệu làm một màn che hoặc một mền chăn.... làm các đồ trang trí. “Và,” bà tiếp tục, “Tôi vẫn không có một nơi cố định để sống, chúng tôi vẫn đang thuê. □ những nơi giá thấp nhất, chúng tôi chuyển đến nơi có giá thuê nhà thấp nhất. Chúng tôi chạy từ chỗ này đến chỗ khác: ở đâu thấy giá thấp, chúng tôi lại chuyển tới đó.”

Khi tôi hỏi bà ấy có bao nhiêu ng-ời con, bà nói “Nhiều, nếu bạn đang nói về các lần mang thai.” Nh- ng chỉ có bốn con còn sống, tất cả là con gái. Đứa con đầu tiên đ- ọc sinh năm 1970, trong rừng rậm, trong vùng chiến. Đứa thứ hai sinh năm 1976, đang ốm yếu. Ng- ời con này chỉ có thể làm việc một lúc và sau đó là kiệt sức; mỗi lần đi kiểm tra sức khỏe, cô con gái này luôn bị sốt cao. Đứa con gái thứ ba của bà đ- ọc sinh năm 1979 bị tim bẩm sinh. Con gái thứ t- sinh năm 1984 bị đau đầu do chứng rối loạn thần kinh. “Khi trời nóng và sáng sủa nh- thế này,” bà Hồng giải thích, “nó không thể làm đ- ọc việc gì.”

“Tha lỗi cho tôi,” tôi nói, “nh- ng bà bị mất cánh tay nh- thế nào? có phải do chiến tranh?”

“Cánh tay này là vì năm 19.... 1971, tôi ra ngoài...” bà Hồng ngập ngừng. “Xin lỗi – tôi có thể dùng từ “quân Mỹ”? – và tôi bị bọn Mỹ bắn... vâng... và đã bị th- ong. Tôi là một th- ong binh của Việt Nam, một cựu chiến binh và một th- ong binh của Việt Nam. Tôi đi làm nhiệm vụ và bọn Mỹ đã bắn tôi; chúng bắn, và bây giờ tôi trở thành một th- ong binh của Việt Nam.”

“Khi bà bị... khi bà bị th- ong nh- thế này....” tôi hỏi, “bà đã tìm sức mạnh ở đâu để v- ợt qua?”

“Nói chung, trong cuộc sống bạn phải có cái gì đó để tin t- ởng...” bà ấy đáp lại. “Đó là, tôi.... tôi vẫn có tổ quốc tôi, vẫn, vẫn có đất n- ớc tôi, vẫn có chính phủ tôi, vẫn có quê h- ơng tôi, cha mẹ tôi, tổ tiên của tôi, các con của tôi, bạn bè, đồng chí của tôi – Tôi phải tự v- ơng lên, cố gắng, khắc phục... có nghĩa là, khắc phục tất cả sự tàn tật, cố gắng chiến đấu để v- ợt lên chính

mình để tạo dựng cho cuộc sống của mình, tôi không thể chỉ phụ thuộc vào ng- ời khác, mà chính bản thân tôi phải cố gắng. Nói chung, đó là những gì chiến tranh đem lại – trong chiến tranh, bản thân tôi phải chiến đấu, và đối với ốm đau bệnh tật, bản thân tôi phải có ý chí, nhờ có một niềm tin, một niềm tin vào tổ quốc tôi. Tôi phải cố gắng v- ợt qua... Ví dụ, tôi phải tự nghĩ để sắp xếp mọi việc cho tốt. Vì tôi vẫn có một gia đình, có các con tôi, có tất cả bạn bè của tôi. Tôi không thể nói “Ồi, tôi nh- thế này, vì bệnh tật của tôi, dù tình trạng có nh- thế nào, nên tôi phải chịu, phải cam chịu.’ Không, tôi có trái tim vững vàng, kiên định. Không ít thì nhiều”.

“Với một ng- ời bình th- ờng nh- bạn, với hai đôi bàn tay, và rồi một cách tự nhiên, khi bạn mất một cánh tay thì bạn phải luyện tập cả quá trình. Ví dụ, lâu lắm rồi, tôi không thể cầm một bát và đôi đũa, nh- ng bây giờ tôi có thể nhấc một cái bát nh- thế này và ăn giống mọi ng- ời khác. Ví dụ khác, khi tôi không thể cầm một cái kim, tôi đã cố gắng luyện tập để có thể dùng cái gì đó để cầm nó. Đó là [một quá trình của] tự biến đổi.

“Và ch- ong trình [Hội CTĐ] này,” tôi hỏi, “ch- ong trình này giúp đỡ nh- thế nào?”

“□... nói chung, nếu bạn nói về một nhu cầu, rồi tôi [] nhiều thứ,” bà Hồng bắt đầu, “nh- ng ở đây tôi đang nói về tinh thần của ch- ong trình này – là phải là trách nhiệm. Nếu thực sự có những hình thức để giúp đỡ tôi ổn định cuộc sống, thì đó là, hỗ trợ tôi nh- thế nào đó để tôi có thể có thuốc, để đảm bảo sức khỏe, và để cải thiện cuộc sống của tôi một chút, để trong xã hội, trong cộng đồng, tôi có thể cảm thấy thoải mái – tôi nói ý là, vui vẻ sống trong cộng đồng.”

“Và nh- vậy” tôi nói, không chắc chắn là chúng tôi đã giành mất bao nhiêu thời gian của bà, “Tôi rất cảm ơn bà vì tất cả mà bà.... bà đã giúp chúng tôi hiểu và biết. Bà có muốn nói thêm điều gì không?”

“Có, ô.... chỉ có điều này nhiều là tất cả: Chúng tôi những ng- ời Việt Nam, nói rất thật và thẳng thắn - đôi khi rất dễ làm tổn th- ơng những

tình cảm nh- ng nó là điều cần thiết phải nói sự thật nh- nó thế nào. Những hoàn cảnh của chiến tranh là nh- vậy, nên bây giờ chúng tôi mới có những cái nh- thế này. Chính vì vậy, một mặt tôi cố gắng, và mặt khác – nói chung thì.... thì tất cả các n-ớc gây nên chiến tranh – họ phải có trách nhiệm, họ phải hỗ trợ và giúp đỡ để ng-ời dân của chúng tôi có thể, sau khi có hoà bình, phát triển với cộng đồng để giảm bớt bệnh tật, vết th-ơng và những mất mát, để chia sẻ với chúng tôi. Tôi đang nói rất thật và thẳng thắn, và tôi hy vọng bạn sẽ hiểu... Và tôi cũng sợ... rất dễ xúc phạm.”

“Tôi nghĩ bạn phải nói thẳng thắn để những ai nghe đ-ọc có thể có cảm thông và nhận thức đ-ọc,” tôi nói với bà. Tôi cảm ơn bà đã nói với chúng tôi và hỏi xem có ai muốn thêm gì không.

Bác sĩ từ Hội CTĐ muốn hỏi về chiến tranh. “Bà đã ở trong rừng, rồi.... tr-ớc đó, trong rừng....?”

Bà Hồng trả lời, “Vâng.. tôi đi kháng chiến trong rừng.... tham gia lực l-ợng kháng chiến khi tôi còn rất trẻ. Cha tôi cũng tham gia kháng chiến, và mẹ tôi cũng đi chiến đấu....”

“Ngoài súng đạn và bom, còn có cái gì khác không?”, ng-ời bác sĩ hỏi.

“Có, ôi, có các chất độc hoá học họ đã rải,” bà ấy đáp lại. “Ví dụ, vào năm đó, năm 64, năm của chiến dịch rải đầu tiên.... nó giống nh- không còn một cái lá nào, không còn một cái lá của một cây, tất cả đều rụng hết. Đó là nh- vậy đấy. Ngày đầu tiên chúng tôi bị tiếp xúc chúng tôi nghĩ đó là s-ơng mù, nh- ng sau này ng-ời ta cho biết đó là một loại chất độc gây tác hại.

“Đó là cuộc chiến khu D, đúng rồi.... tôi không biết bây giờ thì gọi thế nào. Ngày tr-ớc nó đ-ọc gọi là Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bây giờ nó đã đ-ọc gây rừng trở lại.... rừng ven biển của tỉnh Đồng Nai, nh- ng rồi nó vẫn chỉ là một khu đất không sử dụng đ-ọc, không giống nh- bây giờ... Nó là khu vực phía đông bắc tỉnh Đồng Nai. Tôi nhớ đó là năm 64. Năm 64 là năm là chúng tôi bắt đầu bị máy bay B52 oanh tạc, thời kỳ oanh tạc khủng khiếp nhất. Năm đầu tiên là năm 63, 64, 65, hàng loạt máy bay B52 rải các loại bom

bi, bom lớn và [bom đĩa] – tất cả đều đổ xuống khu vực đó, quá nhiều đến nỗi không còn một cái lá. Thực vật, cây cối trở thành hỗn độn... tất cả lá cây bị rụng hết. Và tôi nhớ là các con vật không còn một chỗ nào để sống. Những con khỉ và chim không còn chỗ để trú ngụ. Tất cả lá cây của các cánh rừng đều bị rụng sạch sẽ.

Tôi hỏi bà ấy đã sống ở khu vực đó bao lâu.

“□ ... tôi tham gia từ năm 1961 khi xây dựng lại, cho đến ngày giải phóng... đến tận 1975. Tôi đã sống ngay ở đó trong suốt quãng thời gian,” bà nhớ lại. “tôi sống ngay ở đó”.

Từ nhà ở Long An, bà đến đó lúc mới 16 tuổi, cùng với cha mẹ mình. “Một vùng đất trồng lúa ở tỉnh Long An,” bà gọi nh- vậy, “một vùng trồng lúa. Và vì chiến tranh tôi đã đến thành phố, theo cách mạng, tham gia cách mạng- ở tuổi 16! 16 tuổi và tôi đã đi rồi... cả gia đình... các anh, chị em tôi, tất cả....”

Tôi lại cảm ơn bà và hỏi lại xem ai có câu hỏi gì thêm.

Lúc đó bà hỏi bác sĩ Hội CTĐ nếu tôi muốn biết về vùng kháng chiến.

Thay vì một câu trả lời, bác sĩ hỏi các bạn trong chiến tranh của bà bây giờ có bị bệnh tật giống nh- các con bà.

“Ôi, tất cả họ đã trở lại, mỗi ng-ời tàn mác, ai biết đ-ọc ở đâu”, bà trả lời, “nh- ng hầu hết đang ở ngay đây, tại thành phố này. Tôi có thể đếm trên đầu ngón tay nhiều, nhiều ng-ời bị các chứng bệnh nặng giống nh- thế này, cũng giống nh- thế này. Có những ng-ời nh- thế ở mỗi cơ quan, nơi làm việc này, nơi làm việc kia. Nh- ng thời gian đầu giải phóng [những ng-ời khác?] đã trở lại vào năm 1975 họ đã đi hết rồi, mỗi ng-ời mỗi nơi. Làm sao mà tôi biết đ-ọc những bệnh nào họ vẫn có?”

Bác sĩ Hội CTĐ đăm chiêu: “Trong thời kỳ chiến tranh bà không biết gì về những vấn đề, mà chỉ vừa mới biết đ-ọc.”

“Vâng” bà đáp lại. “Chúng tôi không biết gì hết, chỉ nghĩ đó là s-ơng mù, và sau này, với những trải nghiệm và với đất n-ớc của chúng tôi,

với những giải thích của chính phủ chúng tôi, chính phủ Việt Nam đã giúp chúng tôi hiểu đó là chất độc thảm khốc, các chất độc hại chứa đựng các chất độc hoá học mà đất nước phải gánh chịu khi Mỹ đem đến rải trong chiến tranh ở Việt Nam – họ đã giúp chúng tôi biết được như vậy để chúng tôi có thể bảo vệ bản thân. Nhưng làm thế nào để chúng tôi có thể bảo vệ bản thân hoàn toàn trong những điều kiện sơ đẳng như vậy. – với những mảnh vải, những chiếc khăn tay nhỏ? Chúng làm sao mà che chắn, bảo vệ chúng tôi được? Với những chất độc hại đó! Nhưng chúng tôi vẫn chiến đấu và càng chiến đấu, chúng tôi càng thấy ít mệt mỏi hơn.

“Có một người bạn... tôi sẽ kể cho bạn câu chuyện của cô ấy,” và đến đây bà Hồng chuyển cuộc trò chuyện sang một hướng khác, nói chuyện hăng say và có cảm hứng làm cho tôi rất khó theo kịp. “Tôi có một người bạn đã bị quân Mỹ bắt và cho lên một máy bay trực thăng và trả lại khi đã chết. Cô ấy bị quân Mỹ bắt và cho lên một máy bay trực thăng, rồi thay nhau hãm hiếp cô ấy cho đến chết. Tôi nghĩ suốt về chuyện này... suốt thời gian – sẽ luôn luôn nhớ. Nỗi đau thiêu cháy trái tim tôi. Nó làm tăng sức lực của tôi để cố gắng, làm tăng sức mạnh để chiến đấu. Và sau đó, tôi vẫn luôn luôn nhớ... nhớ điệu cười của cô ấy, nhớ dáng đi của cô ấy, nhớ rằng chúng tôi đã ngủ chung, cùng nhau chiến đấu, sống cùng nhau, chia sẻ niềm vui, ngọt ngào với nhau. Cô ấy đầy tình yêu cuộc sống, và người con gái trẻ ấy cũng đẹp, duyên dáng. Tên cô ấy là Hồng Sinh. Cô ấy là phóng viên làm việc ở Quảng Bình. Chúng tôi lấy cô ấy... chúng tôi lấy cô ấy rồi cho lên máy bay trực thăng”.

Lúc đầu tôi không hiểu tất cả những gì bà Hồng nói, và xin lỗi, biết rằng những phản ứng của tôi không tương xứng với sự xúc động của câu chuyện của bà. Tôi đã giải thích rằng tôi có thể hiểu cô ấy rất đáng thương, nhưng không thể hiểu tất cả. Bác sĩ Hội CTĐ đã nhắc lại câu chuyện theo một cách đơn giản hơn và sau đó tất cả chúng tôi ngồi im lặng một lúc.

“Còn nhiều nữa... còn nhiều nữa, và vẫn còn nhiều,” bà Hồng lại tiếp tục. “Ôi! tôi kể cho bạn, bạn sẽ không bao giờ có thể chịu đựng được đối

với tất cả nỗi đau và sự mất mát mà người Việt Nam đã trải qua sau nhiều cuộc chiến tranh. Vẫn còn nhiều nữa, nhiều nữa.” □ đây bà đã kể cho tôi mà chúng tôi có thể hiểu nhau vì chúng tôi là phụ nữ và tôi phải trở lại và viết lại những gì bà đã kể cho tôi nghe, viết nó thành lịch sử. Bà nói về tất cả những gánh nặng người phụ nữ Việt Nam phải gánh chịu và nói rằng bà không thể làm điều đó hơn – rằng sức lực của bà đã dùng hết – “nó đã héo khô và trở thành tro tàn.”

Thế rồi, bà hỏi chúng tôi, “Tất cả các bạn có gì hỏi nữa không? có gì nữa không?”

“□,” tôi đáp lại, “Vẫn còn nữa – chúng tôi có thể ở lại nhiều ngày, nhiều tuần, nhiều tháng để hỏi nhiều. Nhưng đã đến lúc chúng tôi phải nói lời tạm biệt”.

“Thôi được,” bà nói. “Nhưng dù chúng ta nói tạm biệt ở đây, tôi nghĩ khi bạn ở đây hay khi bạn trở về đất nước bạn – về phía bạn tôi nghĩ bạn chắc chắn sẽ nhớ chúng tôi, những người phụ nữ Việt Nam. Và tôi hy vọng rằng tình cảm này là một... một mối quan hệ. Chúng ta có thể thông cảm cho nhau...tôi hy vọng chúng ta sẽ luôn nhớ và tôn trọng nhau. Mặc dù bạn là một người từ một đất nước xa xôi, một đất nước đã gây nhiều mất mát cho chúng tôi - đó không phải là lý do để mất tình bạn. Bà có đồng ý không? Người Việt Nam có cái này [câu nói]: ‘Thêm một người bạn, bớt một kẻ thù.’ Thời gian chiến tranh đã qua đi, nên bây giờ chúng ta có thể là những người bạn với nhau.”

“Tôi nghĩ rằng ở Mỹ, cuộc chiến là một vấn đề của chính phủ, không phải là người dân,” tôi đáp lại. “Tôi nghĩ những người dân thường có thể có sự thông cảm và hiểu nhau và cùng nhau xây dựng một tương lai khác.”

“Bà đang nói gì,” bà diễn giải, “đó là chính sách của chính phủ Mỹ không phải là lý tưởng của mỗi cá nhân sống trên đất Mỹ, đó không phải là mọi người cùng chia sẻ những ý kiến đó. Họ cũng muốn có hoà bình, thực sự muốn ở đó được bình yên, không muốn có chiến tranh.”

“Đúng vậy,” tôi đáp lại. “Khi bà ở trong rừng, tôi thì ở trên những đường phố, đang phản đối.”

Bác sĩ Hội CTĐ ngấm nghĩ: “à... à... phản đối chiến tranh...”

Bà Hồng lật đi lật lại cụm từ: “Xướng đ-ờng, xuống đ-ờng. Có một ng-ời xuống đ-ờng kể cả ở Mỹ, thậm chí xuống đ-ờng, thậm chí xuống đ-ờng, thậm chí đã phản đối chiến tranh ở Việt Nam.”

“Khắp nơi có những ng-ời dân th-ờng,” bác sĩ nhận xét.

Tôi giải thích rằng khi đó tôi là một sinh viên, và có rất nhiều sinh viên đã phản đối.

Ng-ời bác sĩ, xấp xỉ tuổi chúng tôi, trầm ngâm: “Quá lâu.... nó kéo dài quá lâu – từ năm 1954 đến 1975 – kéo dài vô tận. Thậm chí một ngày đã quá đủ nguy hiểm, nh-ng bao nhiêu năm.... một ngày đã quá đủ để chịu đựng.”⁷

Chúng tôi lại yên lặng một lúc. Thế rồi tôi nhắc lại lời cảm ơn và thay mặt cho đoàn chúng tôi, ng-ời bác sĩ có một vài ý kiến.⁸ Chị Hồng nói chị sẽ đi cùng tôi ra ngoài. Chị dắt tôi bằng tay, bằng phần còn lại của cánh tay, và chúng tôi đi ra ngoài. “Đừng quên chúng tôi,” chị ấy nói. “Khi bạn sang bên đó, hãy luôn nghĩ tới những ng-ời mẹ Việt Nam.”

Ngày tiếp theo, cán bộ Hội CTĐ, trong thời gian tôi ở đó họ rất bận rộn với tôi và cả với những vị khách và các cuộc họp khác, muốn dẫn tôi thỉnh thoảng đi thăm các khu vực xung quanh. Khi họ hỏi tôi muốn làm gì, tôi nói rằng nếu có thể và không gây phiền toái, tôi muốn quay lại nhà chị Hồng để xem nếu chị ấy có vài cái mền chăn để bán, một số thứ chị ấy có thể bán mà không ảnh h-ởng đến công việc của chị ấy.

⁷ Ngay lúc đầu các chuyến thăm gia đình ở Đồng Nai, ng-ời bác sĩ này đã nhận xét: “Có hai điều chúng ta phải làm nh-ng chúng ta không thể làm. Một là làm lành vết th-ong của những ng-ời chúng ta đến thăm; và điều thứ hai là hàn gắn lại môi tr-ờng tự nhiên”.

⁸ Khi chúng tôi giới thiệu về các chuyến thăm, tôi đã hỏi làm thế nào để tặng những món quà nhỏ tôi đã mang theo, nh- là quà tặng từ Hội CTĐ. Ng-ời bác sĩ đáp lại không ngần ngại: “Ng-ời dân ở đây có thể sẽ không nhận quà đó.”

Họ nghĩ việc đó có thể đ-ợc, nh-ng tr-ớc tiên họ muốn chỉ cho tôi một siêu thị – một siêu-siêu thị – vừa đ-ợc xây dựng gần khu công nghiệp mới ở ngoại ô thành phố. Nó chiếm phần chính của một trung tâm th-ong mại còn có đặt một máy bán bỏng ngô tự động, một cửa hiệu bán kem, và một màn hình tự động – tất cả đều đáng ngạc nhiên, trái ng-ợc hoàn toàn với các gia đình đơn sơ và đôi khi là khốn khổ và đáng th-ong mà chúng tôi đã thăm trong tuần tr-ớc. Chúng tôi lang thang nh- những ng-ời dờ sống dờ chết qua những đồng hàng hoá gia dụng và những gian bên với những sản phẩm áo khoác ngắn vô ích: tâm hồn của chúng tôi ở đâu đó. Khi nhìn hai hộp quyên góp, cả hai đều cho Hội CTĐ, linh hồn của chúng tôi đ-ợc hồi sinh. Một hộp đ-ợc đánh dấu cho cứu trợ thiên tai nói chung, và hộp khác dành cho nạn nhân chất độc da cam. Trong cả hai đều có những món tiền nhỏ, đ-ợc một nửa hộp. Chủ tịch Hội CTĐ nhiệt tình giải thích đó là một ý t-ờng mới. Bà nói, nói chung các hộp thu đ-ợc tiền đủ để mỗi tháng xây dựng đ-ợc một ngôi nhà cho ng-ời vô gia c-.

Khi chúng tôi trở lại nhà chị Hồng, chị nhiệt tình chào đón chúng tôi và hoan nghênh đề nghị mua mền với sự bối rối và cả nộ c-ời. Những thứ ch-a hoàn thiện thành hình vuông? Nh-ng nếu tôi muốn, chị ấy cũng vui vẻ để chúng tôi; không vấn đề gì. Tôi giải thích rằng tôi muốn những thứ ấy để đ-a cho mọi ng-ời nh- là một cách viết nên những câu chuyện chị đã kể cho tôi một cách cụ thể hơn, hiện hữu hơn cho những ng-ời ở rất xa. Lúc đầu chị đã khăng khăng đ-a cho chúng tôi, nh-ng cuối cùng đã vui vẻ nhận tiền tôi giúi nhanh vào tay chị.

“Với công việc của chị,” tôi nhận xét, “chị giúp mọi ng-ời đ-ợc ấm áp và tạo nên cái đẹp.”

“Vâng,” chị nói. “Tôi thích tạo những cái đẹp – tất cả phụ nữ thích đẹp, tất nhiên rồi! Thỉnh thoảng tôi may áo dài. Mọi ng-ời xung quanh đây biết tôi, và họ đến để đặt hàng. Họ hỏi thăm đến ng-ời phụ nữ bị cụt tay.” Chị c-ời và lắc đầu, nháy mắt.

Chị ấy muốn làm cho tôi một cái gối để mỗi khi đi ngủ “bên đờ” tôi sẽ nhớ ng-ời em gái của tôi “ở đây”. Một lần nữa chị lại đi cùng tôi ra ngoài, đu đ-a cánh tay tôi và c-ời. “Nhớ em gái chị nhé,” chị nhắc tôi. “Hãy nhớ có một ng-ời phụ nữ nh- thể này, với tất cả những câu chuyện này, và một tay bị mất trong chiến tranh. Nh- ng cũng nhớ là ng-ời phụ nữ đó rất yêu th-ơng con ng-ời, cô ấy yêu tổ quốc mình, cô ấy yêu cuộc sống.”

Kết luận

Những từ đó đúng là những từ cuối cùng của phỏng vấn cuối cùng của tôi và tạo nên một ấn t-ợng sâu đậm cho tôi. Nh- ng câu chuyện của chị Hồng không phải là đại diện; và cũng không phải là duy nhất. Đó là một đoạn.

Những ng-ời phụ nữ khác đã kể những câu chuyện khác. Trong khi một số phụ nữ đã nói đầy kiên định và tinh thần vui vẻ về nh- chị Hồng, những ng-ời khác lại nói trong n-ớc mắt. Tôi đã nghe rất nhiều chuyện về những công việc hàng ngày chăm sóc các con, nhiều ng-ời con giờ đây đã hơn 20 tuổi và 30 tuổi: các câu chuyện về việc nhai cơm/thức ăn cho con, những đứa con chỉ có thể nuốt một cách khó khăn, các câu chuyện chăm sóc vệ sinh cho con, vệ sinh phụ nữ cho con gái, tắm tấp cho con, và sự khó khăn khi bế những đứa con lớn nh- vậy từ chỗ này đến chỗ khác vì những nhu cầu đó. Tôi cũng nghe nhiều chuyện về sự khó khăn để nuôi sống gia đình khi mà một trong những thành viên tạo thu nhập chính phải dành rất nhiều thời gian và sức lực cho những nhiệm vụ này. Tôi đã nghe những câu chuyện của một số phụ nữ là chỗ dựa duy nhất của gia đình họ, hoặc là chồng của họ cũng bị tàn tật, hoặc là đã chết. Nhiều phụ nữ đã nói trong sự mệt mỏi và nỗi lo sợ về những gì có thể xảy ra đối với con cái của mình khi sức lực của họ không còn nữa.

Một số phụ nữ đã nói với sự cố gắng để hiểu rõ những gì đã xảy ra với họ, tìm kiếm những lý giải bằng cách đi xem bói, thầy địa lý, ng-ời xem t-ợng và ông đồng bà cốt. Một ng-ời phụ nữ, một ng-ời làng đi cùng nói với tôi, đã tự trở

thành bà cốt. Một ng-ời phụ nữ khác nói về niềm tin của bà vào khoa học, chỉ khoa học; ng-ời đó cũng nói, từ một giấc mơ đã chỉ dẫn cho bà đi lên miền núi tìm một ng-ời trồng thảo d-ợc để lấy thuốc chữa trị cho chồng, sau khi bỏ điều trị thuốc tây nh- ng không khỏi. Bà ấy đã đi, tìm thuốc và ông ấy đã khỏi.

Tôi đã đ-ợc kể về những ng-ời hàng xóm hào phóng và tốt bụng đến nh- ởng nào. Một ng-ời phụ nữ kể cho tôi rằng có ai đó đã để lại trong nhà bà một túi gạo hay vài cái quần áo, hoặc những mảnh nhựa mà bà có thể nối vào để làm tấm chắn gi-ờng cho con gái 17 tuổi của mình nằm suốt ngày đêm. Ng-ời phụ nữ này cũng nói rằng bà không thể nuôi lợn, nuôi gà vì chúng có thể bị bắt trộm khi bà ở ngoài đồng. Tôi cũng đ-ợc kể về những trẻ con hàng xóm, vào những dịp lễ hội, có thể đến đ-a hai cậu bé không thể đi đ-ợc đi ra ngoài chơi bằng xe bò. Tôi cũng đ-ợc nghe về những đứa trẻ hàng xóm có thể chế nhạo một cô gái bị mù và thần kinh khi cô đi ra ngoài sân nhà.

Tôi đã gặp một ng-ời phụ nữ mà ng-ời chồng, sau bốn lần bà bị thai chết l-u, đã đổ lỗi do chính mình vì ảnh h-ởng của chiến tranh và khuyên bà rời xa ông để có cuộc sống tốt hơn; bà ấy đã từ chối và sau này sinh ra cho ông hai ng-ời con trai dị tật, bây giờ đã hơn 20 tuổi. Tôi đã gặp một ng-ời lính trên đ-ờng mòn Hồ Chí Minh, ng-ời đã có hai lần sảy thai, hai đứa con đã chết sơ sinh và ba đứa con chậm phát triển và gần như nghiêm trọng; bà đã gọi mình là may mắn vì đã lấy đ-ợc chồng. Một ng-ời phụ nữ khác, bị các biến chứng đau đớn khi bà tiến hành triệt sản sau khi mang một thai nhi quái thai, một cậu con trai chậm phát triển (trí tuệ và cơ thể), và một cô gái động kinh, đã nói tất cả cho chồng bà, tất cả cho con bà, vì vậy bà đã cố gắng v-ợt qua những khó khăn. “Tình trạng thật khó khăn,” bà nói, “nh- ng tôi vẫn phải chăm sóc chồng tôi và các con tôi. Tôi biết cuộc đời tôi đ-ợc gắn chặt với ông ấy. Cả đời tôi gắn chặt với chồng và con

tôi, “dời sông núi” cho đến hơi thở cuối cùng, và chỉ là do chiến tranh”⁹.

Có những sự lặng im dài và hàng loạt lời nói. Tôi nhớ những biểu hiện sâu sắc, rất can đảm, kháng cự lại một số phận không công bằng, và con cháu giận bùng lên đối với “chính phủ Mỹ cũ”. Từ “trách nhiệm” th- ờng xuyên xuất hiện và từ “kiệt sức” cũng nh- vậy: nhiều phụ nữ nói về sự kiệt sức nh- thế nào sau 20 đến 30 năm chăm sóc những đứa con tàn tật và nh- ng ng- ời chồng không còn sức khoẻ sau chiến tranh. Họ đã hy vọng bây giờ có ai đó cùng gánh vác một phần trách nhiệm cho những hậu quả của chiến tranh. Một từ khác cũng th- ờng xuyên hiện lên là “động viên”, đ- ọc dịch trong từ điển là “motivate/thúc đẩy, mobilize/huy động/động viên, involve/để hết tâm trí vào, enlist/thanh thủ những nỗ lực”. Khi nó đ- ọc dùng trong các cuộc trò chuyện tôi hiểu nó d- ờng nh- cũng chứa đựng một số ý nghĩa của “động viên/encourage” hoặc “dành nguồn động viên tinh thần”. Tôi cũng th- ờng đ- ọc kể về các đoàn thể khác nhau – Hội CTĐ, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đảng - đã đến để “động viên” các gia đình nh- thế nào, đôi khi có những món quà nhỏ, nh- ng th- ờng th- ờng, đặc biệt trong nhiều năm thiếu thốn sau chiến tranh, chỉ là những thông tin về các kỹ thuật và ch- ơng trình mới để giúp các gia đình tăng sản xuất, hoặc đơn giản là hỗ trợ tinh thần và để họ biết rằng họ không bị lãng quên.¹⁰

⁹ Những câu chuyện nh- vậy không dễ dàng phù hợp với những cách kể chuyện của những nhà nữ quyền ph- ơng Tây. Một phần giới thiệu về một số điểm khác biệt, xem các ch- ơng giới thiệu của Karen Turner và Phan Thanh Hào - *Phụ nữ thậm chí phải chiến đấu*.

¹⁰ Khi tôi nhấn mạnh rằng mạng l- ới các đoàn thể này d- ờng nh- không để ai là không đ- ọc biết đến, giáo s- Lê Cao Đài, khi đó là chủ tịch Quỹ Nạn nhân chất độc da cam của Hội CTĐ đã cảm ơn tôi. “Đây là điều mà rất ít ng- ời Mỹ hiểu đ- ọc, thậm chí cho đến bây giờ”, ông ấy nói và giải thích: “Đó là một trong những hình thức xã hội Việt Nam rất khác biệt với xã hội ph- ơng Tây. Từ Đạo Phật chúng tôi học

*

* *

Không bị lãng quên. Đ- ọc truyền đạt, đ- ọc kể lại, liên hệ. Đ- ọc ghi lại lên những trang giấy, nh- chị Hồng đã ghi lại, “của lịch sử của tổ quốc chúng tôi, của thế hệ chúng tôi, của thế giới.” Những mẩu chuyện của chị Hồng, đ- ọc tôi biên soạn lại ở đây thành một câu chuyện, là những mẩu chuyện cũng ch- a là câu chuyện lớn hơn: những mẩu chuyện về sự tổn th- ơng con ng- ời, trí nhớ con ng- ời có thu thập về chiến tranh và những hậu quả thảm khốc của nó đối với nhiều thế hệ, ở tất cả các phần của thế giới. Những câu chuyện của chị Hồng nhằm mục đích không nh- một kết luận, nh- ng là một lời giới thiệu. Trích dẫn lại ý kiến của chị: “Bạn sẽ không bao giờ chịu đựng đ- ọc tất cả những đau th- ơng và mất mát mà ng- ời Việt Nam phải gánh chịu qua rất nhiều cuộc chiến tranh.”. Ng- ời Việt Nam, ng- ời Cambodia, ng- ời Lào, ng- ời Công gô, ng- ời Angiêri, ng- ời Iran, ng- ời Quốc, ng- ời Palestin, ng- ời Bosnia, ng- ời Serb, ng- ời Cólombia, ng- ời Afghan, ng- ời Irắc: mặc dù danh sách này rất ngắn, ch- a đầy đủ thì cũng là quá dài.

Chịu đựng là một phần của công việc phá vỡ sự im lặng, phá tan cái mà Pablo Richard gọi bức t- ờng giữa kẻ giàu và ng- ời nghèo, một bức t- ờng ép buộc ng- ời nghèo “chết trong sự im lặng của lịch sử”¹¹. Một phần khác của công việc

đ- ọc cần phải chăm sóc lẫn nhau, quan tâm đến hàng xóm.” Sự kết hợp giữa tình yêu th- ơng săn sóc và sự tổ chức là cách mà Việt Nam đã chiến thắng trong chiến tranh”, ông đã gợi ý; đó là một gợi ý tôi đã nghe hơn một lần. Tôi bắt đầu nghĩ nó nh- là “Chủ nghĩa cộng sản thiên phái”. Biên tập viên của tôi ở tạp chí Việt Nam News đã rất ngạc nhiên tôi tìm ra sự kết hợp có ý nghĩa này: “Không có sự mâu thuẫn,” anh ấy khẳng định với tôi.

¹¹ Trích dẫn trong Farmer 1997, trang 280. “Can the subaltern speak?” (Những ng- ời cấp d- ới có thể nói?) Gayatri Spivak 1998 phê bình thời kỳ hậu thực dân, nêu những câu hỏi trên một bài báo có cùng tên đ- ọc đăng tải rộng rãi. Một cách cụ thể hơn, ng- ời phụ nữ cấp d- ới có thể nói khi cô ta bị gán nh- nh- một đồ vật trong việc diễn thuyết về truyền thống và phát triển, Spivak tiếp tục hỏi. Học giả ng- ời Indônêxia, Laurie Sears đáp lại trong *Shadows of*

là nhận biết về cơ chế con ng-ời, một quá trình đ- a ra quyết định có tính ng- ời, khỏi x- óng việc sử dụng các chất hoá học ở Việt Nam, và kêu gọi trách nhiệm mang tính con ng- ời về những hậu quả của quá trình đó. Thay vì sự mơ hồ và tất cả những gì ch- a biết, vẫn có rất nhiều điều đã đ- ọc biết. Thừa nhận và có trách nhiệm với quá khứ sẽ giúp xua tan đ- ọc những ám ảnh về Việt Nam một cách hữu hiệu; sẽ đỡ tốn kém, đỡ thảm khốc cho cuộc sống hơn là gieo rắc sự chết chóc ở các nơi khác trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

Abu-Lughod, Lila. 1991. "Writing Against Culture." in Richard G. Fox, ed. *Recapturing Anthropology*. Santa Fe: School of American Research Press.

Associated Press. Nov. 1, 1998. "Agent Orange reports withheld, altered, paper says"; report on six-month study by San Diego Union-Tribune.

Asad, Talal. 1986. "The Concept of Cultural Translation in British Social Anthropology" in James Clifford and George E Marcus, *Writing Culture*. University of California Press.

Birnbaum, Linda S. 2002. "Health and Environmental Effects of Dioxins" ; paper prepared for presentation to the *Yale Vietnam Conference 2002: The Ecological and Health Effects of the Vietnam War*. New Haven, Ct. September 13-15.

Bourdieu, Pierre. 1990. "Structures, *Habitus*, Practices" in *The Logic of Practice*. Stanford University Press.

Buckingham, William A. Jr. 1982. *Operation Ranch Hand: The Air Force and Herbicides in Southeast Asia 1961-1971*. Washington, D.C.:

Empire (Bóng tối của đế chế), "Ng- ời cấp đ- ới đang luôn luôn nói". "Vấn đề cho những nhà trí thức hậu thực dân – cho dù họ thừa h- ởng vị trí chủ thể của kẻ thực dân hoặc ng- ời bị thực dân hoá - là cách lắng nghe ng- ời cấp đ- ới nói." Một vấn đề khác đối với các nhà trí thức là cách họ nêu lên những tiếng nói ấy có thể đ- ọc nghe thấy và đ- ọc quan tâm một cách nghiêm túc từ những ng- ời ở nơi xa, những ng- ời có quyền gây ảnh h- ởng cuộc sống của nhiều thế hệ.

Office of Air Force History, United States Air Force.

Cecil, Paul Frederick. 1986. *Herbicide Warfare: the Ranch Hand Project in Viet Nam*. New York, London, Westport (Connecticut): Praeger.

Committee for Concerned Asian Scholars. 1970. *The Indochina Story: A Fully Documented Account*. Pantheon.

Dwernychuk, Wayne, Hoang Dinh Cau, et al. 2002. "Dioxin reservoirs in southern Viet Nam—A Legacy of Agent Orange". *Chemosphere* 47. 117-137.

Erickson, J. David et al. 1984. *Vietnam Veterans' Risks for Fathering Children with Birth Defects*. Atlanta: U.S. Dept. of Health and Human Services (The Center for Environmental Health).

Farmer, Paul. 1997. "On Suffering and Structural Violence: A View from Below." in Kleinman et al. *Social Suffering*. University of California Press.

Foucault, Michel. 1970. "The Order of Discourse" Inaugural lecture at the *College de France*.

Gordon, Avery F. 1997. *Ghostly Matters: Haunting and the Sociological Imagination*. Minneapolis and London: University of Minnesota Press.

Harnly, Caroline D. 1988. *Agent Orange and Vietnam: An Annotated Bibliography*. Meutchen NJ and London: Scarecrow Press.

Hatfield Group website: www.hatfieldgroup.com

Institute of Medicine. 1999. *Veterans and Agent Orange: Update 1998*. Washington, D.C.: National Academy Press.

Keyes, Charles F. 2002. Abstract for "Abortions, Agent Orange, and AIDS: Social Suffering in Vietnam and Thailand." Panel presentation at annual conference for the Association of Asian Studies, Washington, D.C.

Kleinman, Arthur. 1988. *The Illness Narratives*. Basic Books.

- _____, Veena Das and Margaret Lock. 1997. *Social Suffering*. University of California Press.
- Latour, Bruno. 1999. *Pandora's Hope: Essays on the Reality of Science Studies*. Cambridge, Ma., and London: Harvard University Press.
- Le Cao Dai. 2000. *Agent Orange in the Viet Nam War, History and Consequences*. Hanoi: Vietnam Red Cross Society.
- _____. 2000, 2001. personal communication.
- Lewy, Guenter. 1978. *America in Vietnam*. New York: Oxford University Press.
- Marr, David. 1987. "Vietnamese Attitudes Regarding Illness and Healing," in Norman G. Owen, *Death and Disease in Southeast Asia*. Singapore: Oxford University Press. (Asian Studies Association of Australia)
- Minh Chuy n. 1997. *Di ho  chi n tranh*. H  N i: Nxb. V n h c..
- Morris, David B. 1997. "About Suffering: Voice, Genre, and Moral Community." in Kleinman *et al*, *Social Suffering*. University of California Press.
- Neilands, J.B., Gordon H. Orians, E.W. Pfeiffer, Alje Vennema, Arthur H. Westing. 1972. *Harvest of Death: Chemical Warfare in Vietnam and Cambodia*. New York: The Free Press; London: Collier-Macmillan Limited.
- Ong, Aihwa. 1995. "Women out of China: Traveling Tales and Traveling Theories in Postcolonial Feminism," in Ruth Behar and Deborah A Gordon, eds. *Women Writing Culture*. University of California Press.
- Orians, G.H., and Pfeiffer, E.W. 1970. "Ecological Effects of the War in Vietnam." *Science*, Washington, 168:544-554.
- Schechter, Arnold, ed. 1994. *Dioxins and Health*. New York and London: Plenum Press.
- _____, with Le Cao Dai, Olaf Papke, Joelle Prange, John D. Constable, Muneaki Matsuda, Vu Duc Thao, and Amanda Piskac. 2001. "Recent Dioxin Contamination From Agent Orange in Residents of a Southern Vietnam City." *Journal of Occupational Environmental Medicine*, vol. 43 no. 5:435-443. May 2001.
- Sears, Laurie J. 1996. *Shadows of Empire*. Durham and London: Duke University Press.
- Spivak, Gayatri Chakravorty. 1988. "Can the Subaltern Speak?" in Cary Nelson and Lawrence Grossberg, eds. *Marxism and the Interpretation of Culture*. University of Illinois Press.
- Stellman, Jeanne Mager, and Steven D. Stellman, Richard Christian, Trance Weber, Carrie Tomasallo. 2003 "The extent and patterns of usage of Agent Orange and other herbicides in Vietnam", in *Nature* 422: 681-687. April 17, 2003.
- Stewart, Kathleen. 1996. *A Space on the Side of the Road: Cultural Poetics in an 'Other' America*. Princeton: Princeton University Press.
- Tr n V n Thu . 1996. *Chuy n t  g c c ng vi n (Story from the Corner of a Park)* H  N i (film)
- Trinh T. Minh Ha. 1989. *Woman, Native, Other: Writing Postcoloniality and Feminism*. Bloomington: Indiana University Press.
- Turner, Karen Gottschang, with Phan Thanh H o. 1998. *Even the Women Must Fight*. John Wiley and Sons.
- Visweswaran, Kamala. 1994. *Fictions of Feminist Ethnography*. Minneapolis: University of Minnesota Press.
- Vo Quy. 1992. "The Wounds of War: Viet Nam struggles to erase the scars of 30 violent years." *Ceres (the FAO Review)*. 24:13-16. (March/April).
- Webster, Thomas, and Barry Commoner. 1994. "Overview", in *Dioxins and Health*, Arnold Schechter, ed. New York and London: Plenum Press.
- Westing, Arthur H., ed. 1984. *Herbicides in War: the Long-term Ecological and Human Consequences*. London and Philadelphia: Taylor & Francis. (Stockholm International Peace Research Institute).

Young, A.L. and G.M. Reggiani. 1988. *Agent Orange and its associated dioxin: assessment of a controversy*. Amsterdam, New York, Oxford: Elsevier.

(Reprinted by permission from *Le Vietnam au Féminin*. Gisele Bousquet and Nora Taylor, eds. Paris: *Les Indes Savantes*. 2005).